

Địa chỉ: 108 đường T, phường N, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình.

2. Bị đơn: Ông Bùi Hữu N, sinh năm 1947 **và bà Hồ Thị L1**, sinh năm 1949.

Cùng địa chỉ: 162 đường N, tiểu khu D, phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình. Ông N có mặt, bà L1 vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bà Hồ Thị L1, có bà Bùi Thị S, sinh năm 1987.

Địa chỉ: 162 đường N, tiểu khu D, phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình. Bà S có mặt (Theo Giấy ủy quyền ngày 16/5/2018).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Bùi Thị G, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tiểu khu D, phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Bà Hoàng Thị Mỹ Lệ H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Tầng 2, 3 phòng Giao dịch ngân hàng Thương mại cổ phần V chi nhánh tỉnh Quảng Bình, đường T, tiểu khu 11, phường N, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt, có đơn xin không tham dự phiên tòa - Đơn đề ngày 15/5/2018.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Bùi Hữu N và bà Hồ Thị L1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 28/11/2012 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần V trình bày:

Ngày 09/7/2011, Ngân hàng Thương mại cổ phần V - Chi nhánh Quảng Bình (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và cụ Bùi Hữu N, cụ Hồ Thị L1, ký Hợp đồng tín dụng số N011514, với nội dung cụ Bùi Hữu N và cụ Hồ Thị L1 vay ngân hàng số tiền 1.400.000.000 đồng để bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay 06 tháng; lãi suất 27%/năm; kỳ hạn trả nợ đầu tiên vào ngày 25/7/2011, trả gốc cuối kỳ khi đến hạn, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong thời hạn tại thời điểm chuyển quá hạn; phạt chậm trả lãi: nếu khách hàng không trả lãi hàng tháng đúng theo quy định thì sẽ phải trả cho Ngân hàng khoản tiền phạt chậm trả lãi theo mức bằng 0,11%/ngày tính trên số tiền chậm trả và số ngày chậm trả, bắt đầu tính từ thời điểm quá hạn cho đến khi thanh toán hết nợ lãi quá hạn.

Tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn Ngân hàng số 0430/11/HĐ -TCTS ngày 08/7/2011 được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Quảng Bình chứng nhận và đăng ký giao dịch đảm bảo tại văn phòng đăng ký

quyền sử dụng đất thành phố Đ1 cùng ngày 08/7/2011, cụ N và cụ L1 thế chấp tài sản để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ gồm có: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại các thửa đất số 589, 590 và 591, tờ bản đồ số 04, tại thôn D, phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình mang tên cụ Bùi Hữu N và cụ Hồ Thị L1 theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: số BE 754308, số BE 754309 và số BG 235839 đều do Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) thành phố Đ1 cấp ngày 26-5-2011.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho cụ Bùi Hữu N và Hồ Thị L1 số tiền 1.400.000.000 đồng. Sau đó cụ N, cụ L1 đã trả lãi cho Ngân hàng với số tiền là 101.334.833 đồng, (bao gồm 04 giấy nộp tiền có chữ ký cụ Bùi Hữu N, 02 giấy nộp tiền ghi tên người nộp Hoàng Thị Mỹ Lệ H) trong đó tiền lãi trong hạn 94.212.710 đồng, lãi phạt quá hạn: 7.122.123 đồng. Cụ N, cụ L1 không thanh toán nợ gốc và lãi đúng hạn nên Ngân hàng đã chuyển khoản vay trên sang nợ quá hạn từ ngày 26/10/2011.

Do cụ N và cụ L1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 28/11/2012, Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu Toà án buộc cụ Bùi Hữu Nghi, cụ Hồ Thị L1 trả nợ số tiền nợ gốc: 1.400.000.000 đồng và nợ lãi: 644.061.103 đồng (nợ lãi tạm tính đến ngày 27/11/2012). Tổng cộng là 2.044.061.103 đồng; buộc cụ N, cụ L1 trả tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ gốc theo các mức lãi suất trong hạn, lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi tại hợp đồng tín dụng nói trên; trường hợp cụ N, cụ L1 không trả được nợ thì kê biên, phát mãi tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản đã ký với Ngân hàng để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ.

** Bị đơn cụ Bùi Hữu N, cụ Hồ Thị L1 trình bày:*

Hai cụ không chấp nhận trả nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng vì hai cụ không nhận được số tiền vay 1.400.000.000 đồng theo giấy lĩnh tiền mặt ngày 09/7/2011, hai cụ đã ký giấy lĩnh tiền cùng các giấy tờ liên quan tại nhà riêng của mình, do cán bộ Ngân hàng đưa đến để bà Bùi Thị G (bà G là con gái cụ N, cụ L1) nhận tiền đầu tư, phát triển trang trại. Nay Ngân hàng khởi kiện đòi nợ, hai cụ mới biết bà G không nhận được số tiền 1.400.000.000 đồng nên hai cụ không có nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Hai cụ yêu cầu đưa bà Bùi Thị G, bà Hoàng Thị Mỹ Lệ H và tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vì theo hai cụ thì các giấy tờ thế chấp vay tiền, lĩnh tiền, trả lãi có liên quan đến bà G và bà H; đề nghị Toà án triệu tập các cán bộ Ngân hàng có liên quan trong việc xét duyệt hồ sơ vay vốn, giải ngân, nhận tiền trả lãi để làm rõ trách nhiệm liên quan, hai cụ cho rằng đã bị cán bộ Ngân hàng lừa dối ký giấy lĩnh

số tiền 1.400.000.000 đồng.

Đồng thời, hai cụ cũng thừa nhận có việc cho bà Bùi Thị G mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp cho Ngân hàng vay vốn làm ăn và đã ký vào hồ sơ để bà G nhận tiền khi cán bộ Ngân hàng đưa hồ sơ đến nhà yêu cầu hai cụ ký (bản tường trình ngày 24/12/2012).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Thị G trình bày:

Bà là con gái của cụ N và cụ L1; bà có vay tiền của bà Hoàng Thị Mỹ Lệ H (viết tắt là bà H), bà có nhờ bà H làm thủ tục tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Bùi Hữu N, cụ Hồ Thị L1 từ 01 thửa thành 04 thửa và nhờ bà H lập hồ sơ xin vay vốn Ngân hàng để trả nợ, số còn lại để đầu tư kinh doanh phát triển trang trại. Bà có gọi điện cho cụ N, cụ L1 nói rõ việc bà nhờ hai cụ vay vốn, vì thế lúc cán bộ Ngân hàng đến thì ký giấy tờ để giúp bà vay vốn tại Ngân hàng. Sau đó, bà gọi điện cho bà H, được bà H trả lời khoản vay đó bà H đã nhận tiền rồi, nhưng hiện tại do làm ăn khó khăn nên bà H nhờ bà nói với cụ N, cụ L1 cứ trả lãi kéo Ngân hàng họ thu nhà (Biên bản hoà giải ngày 17/01/2013). Bà không nhận được số tiền theo giấy lĩnh tiền mà cụ N, cụ L1 ký.

* Bà Hoàng Thị Mỹ Lệ H trình bày:

Bà có giúp bà Bùi Thị G làm thủ tục tách thửa đất mang tên cụ Bùi Hữu N, cụ Hồ Thị L1 từ 01 thửa thành 04 thửa để vay tiền Ngân hàng trả nợ cho bà, sau khi tách thành 04 thửa, bà có cho bà G mượn lại 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà G đã thế chấp cho bà vay 1.400.000.000 đồng, bà chỉ giữ lại 01 giấy mang tên cụ N, cụ L1, sau đó dùng giấy này vay 490.000.000 đồng theo bảo lãnh của cụ N, cụ L1. Tại các phiên hoà giải ngày 22/01/2013, ngày 01/02/2013 và tại phiên toà, bà chỉ thừa nhận có việc nợ tiền giữa bà G với bà và việc bà giúp bà G tách thửa đất nhưng đã giao giấy hện cho bà G để bà G nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi tách. Bà không liên quan đến việc vay và trả nợ Ngân hàng của cụ N, cụ L1.

** Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2013/KDTM-ST, ngày 14/5/2013, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:*

Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V, xử buộc cụ Bùi Hữu N và cụ Hồ Thị L1 trả nợ số tiền: 2.325.683.340 đồng.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thôn D, phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình mang tên cụ Bùi Hữu N, cụ Hồ Thị L1 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn ngân hàng số 0430/11/HĐ-TCTS ngày 08/7/2011 gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 754308 do UBND thành phố Đ1 cấp ngày 26/5/2011, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử

dụng đất thành phố Đ1 ngày 08/7/2011; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 754309 do UBND thành phố Đ1 cấp ngày 26/5/2011, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Đ1 ngày 08/7/2011; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 235839 do UBND thành phố Đ1 cấp ngày 26/5/2011, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Đ1 ngày 08/7/2011 là tài sản đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của cụ Bùi Hữu N, cụ Hồ Thị L1.

Toà án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ của bên phải thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/5/2013, cụ Bùi Hữu N và cụ Hồ Thị L1 làm đơn kháng cáo.

Tại bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 02/2013/KDTM-PT ngày 25/11/2013, Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng quyết định:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn cụ Bùi Hữu N, cụ Hồ Thị L1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi xét xử phúc thẩm, cụ Bùi Hữu N và cụ Hồ Thị L1 làm đơn đề nghị Chánh án Toà án nhân dân tối cao xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định Giám đốc thẩm số 13/2017/KDTM-GĐT, ngày 22/5/2017 của Chánh án Toà án nhân dân tối cao, quyết định: Huỷ Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 02/2013/KDTM-PT ngày 25/11/2013 của Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng và huỷ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2013/KDTM-ST ngày 14/5/2013 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình; giao hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thụ lý giải quyết lại vụ án, ngày 18/8/2017 Ngân hàng đã sửa đổi, bổ sung Đơn khởi kiện yêu cầu cụ Bùi Hữu N, cụ Hồ Thị L1 trả số nợ là 4.724.587.290 đồng, trong đó nợ gốc 1.400.000.000 đồng và nợ lãi: 3.324.587.290 đồng tính đến ngày 18/8/2017; buộc hai cụ tiếp tục thanh toán tiền nợ lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất được quy định trong hợp đồng tín dụng nói trên; trường hợp hai cụ không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền xử lý hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản đã ký với Ngân hàng để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ. Đối với khoản tiền phạt chậm trả lãi theo mức bằng 0,11%/ngày tính trên số tiền chậm trả và số ngày chậm trả, bắt đầu tính từ thời điểm quá hạn cho đến khi thanh toán hết nợ lãi quá hạn theo Hợp

đồng tín dụng số N011514 ngày 09/7/2011 Ngân hàng xin rút không khởi kiện nữa.

Tại phiên toà sơ thẩm đại diện Ngân hàng vẫn giữ nguyên nội dung Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 18/8/2017 và yêu cầu cụ N, cụ L1 phải thanh toán 1.400.000.000 đồng tiền gốc và 3.428.537.290 đồng tiền lãi tính đến hết ngày 23/10/2017 (trong đó lãi trong hạn là 98.987.290 đồng và lãi quá hạn là 3.329.550.000 đồng). Cụ N, cụ L1 vẫn không chấp nhận việc khởi kiện của Ngân hàng và yêu cầu Toà án tạm đình chỉ vụ án vì hai cụ đang yêu cầu cơ quan Công an thụ lý giải quyết vụ án hình sự đối với những người liên quan đến việc hai cụ vay vốn tại Ngân hàng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 23 tháng 10 năm 2017, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 90, 91, 93, 94, 95, 96 và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 318, 342, 343, 344, 348, 349, 350, 352, 353, 355, 471, 474, 476, 721 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166, 167, 179 và 180 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Toà án, xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V đối với cụ Bùi Hữu N, cụ Hồ Thị L1.

2. Buộc cụ Bùi Hữu N, cụ Hồ Thị L1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 4.828.537.290 đồng (*bốn tỷ, tám trăm hai tám triệu, năm trăm ba bảy ngàn, hai trăm chín mươi đồng*). Trong đó nợ gốc 1.400.000.000 đồng, nợ lãi 3.428.537.290 đồng (nợ lãi trong hạn là 98.987.290 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.329.550.000 đồng) tính đến hết ngày 23/10/2017.

3. Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số 0430/11/HĐ -TCTS ngày 08/7/2011 đã đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Đ1 ngày 08/7/2011 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V với cụ Bùi Hữu N, cụ Hồ Thị L1 để bảo đảm việc trả nợ cho Ngân hàng.

4. Đình chỉ xét xử yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần V đối với cụ Bùi Hữu N, cụ Hồ Thị L1 về khoản tiền phạt chậm trả lãi theo mức bằng 0,11%/ngày tính trên số tiền chậm trả và số ngày chậm trả, bắt đầu tính từ thời điểm quá hạn cho đến khi thanh toán hết nợ lãi quá hạn.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong hạn luật định,

Ngày 06/11/2017 ông Bùi Hữu N và bà Hồ Thị L1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu, đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn ông Bùi Hữu N, bà Hồ Thị L1 không thay đổi, bổ sung, không rút kháng cáo; các đương sự không hòa giải được với nhau. Yêu cầu Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giải quyết.

Tòa xét:

[1]. Ngân hàng Thương mại cổ phần V và ông Bùi Hữu N, bà Hồ Thị L1 có ký kết Hợp đồng tín dụng số: No 11514 vào ngày 09/7/2011 để vay số tiền 1.400.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng; lãi suất 27%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn.

[2]. Để đảm bảo cho khoản vay 1.400.000.000 đồng, ông Bùi Hữu N, bà Hồ Thị L1 với Ngân hàng Thương mại cổ phần V ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số 0430/11/HĐ-TCTS ngày 08/7/2011 là toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại các thửa 589; 590; 591 tờ bản đồ số 4 tại thôn D, phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình.

[3]. Đến hạn thanh toán, ông Bùi Hữu N và bà Hồ Thị L1 không thanh toán, vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên Ngân hàng Thương mại cổ phần V khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ gốc 1.400.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 23/10/2017 là 3.428.537.290 đồng (Trong đó có 98.987.290 đồng nợ lãi trong hạn và 3.329.550.000 đồng nợ lãi quá hạn) theo mức lãi suất 27%/năm, lãi quá hạn 150% của lãi trong hạn là 40,5% như án sơ thẩm nhận định là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật, được quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Thông tư số 12/2010/TT-NNNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng.

Do vậy, đối với trường hợp này Hợp đồng tín dụng có một bên là Ngân hàng Thương mại cổ phần V là tổ chức tín dụng, thì lãi suất của Hợp đồng tín dụng được thực hiện theo thỏa thuận trong Hợp đồng mà không theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 để tính lãi suất.

Nên án sơ thẩm buộc ông Bùi Hữu N và bà Hồ Thị L1 phải chịu lãi theo

mức lãi suất nợ quá hạn như đã xét xử và quyết định trong bản án là đúng pháp luật.

[4]. Ông Bùi Hữu N, bà Hồ Thị L1 cho rằng do bị cán bộ Ngân hàng Thương mại cổ phần V lừa ký giấy nhận tiền, các giấy tờ liên quan đến Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng thế chấp thì thấy: Ông N, bà L1 đều thừa nhận chữ ký, đã ký trong Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản, Giấy đề nghị giải ngân, Giấy lĩnh tiền mặt, Khế ước nhận nợ, Giấy biên nhận hồ sơ bảo đảm là của ông, bà.

Ông Bùi Hữu N và bà Hồ Thị L1 còn có 04 đợt trực tiếp đến Ngân hàng Thương mại cổ phần V thanh toán tiền lãi, với số tiền 46.000.000 đồng trên tổng số tiền lãi đã trả 101.343.833 đồng.

Do vậy, có căn cứ xác định ông Bùi Hữu N, bà Hồ Thị L1 là người đã ký vào các tài liệu khi giao dịch với Ngân hàng Thương mại cổ phần V như án sơ thẩm nhận định là có căn cứ.

[5]. Từ những phân tích trên, xét kháng cáo của ông Bùi Hữu N, bà Hồ Thị L1 không có đủ căn cứ để HĐXX cấp phúc thẩm chấp nhận; tại phiên tòa phúc thẩm ông N không xuất trình chứng cứ gì mới, khác so với án sơ thẩm. Nên HĐXX cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, cần giữ nguyên án sơ thẩm.

Xét án sơ thẩm khi quyết định trong bản án là tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số 0430/11/HĐ-TCTS ngày 08/7/2011 là chưa đầy đủ, cấp phúc thẩm quyết định bổ sung cho đầy đủ và đúng pháp luật, cụ thể:

Trường hợp ông Bùi Hữu N, bà Hồ Thị L1 không thanh toán đủ số tiền trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V; Ngân hàng Thương mại cổ phần V được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đã thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số 0430/11/HĐ-TCTS ngày 08/7/2011 để đảm bảo thu đủ số tiền nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng.

[6]. Về án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm: Xét ông Bùi Hữu N, bà Hồ Thị L1 là người cao tuổi, có Đơn xin miễn án phí. HĐXX cấp phúc thẩm áp dụng điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án để miễn toàn bộ án phí KDTM phúc thẩm (ông N, bà L1 đã tạm nộp, được hoàn trả lại).

[7]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Bùi Hữu N, bà Hồ Thị L1, đề nghị này phù hợp với nhận định của HĐXX, nên chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có

hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Bùi Hữu N, bà Hồ Thị L1 và giữ nguyên bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 23/10/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 90, 91, 93, 94, 95 96, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng.

Áp dụng Điều 318, 342, 343, 344, 348, 349, 350, 351, 352, 353, 355, 471, 474, 476, 721 Bộ Luật Dân sự năm 2005.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ Luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 166, 167, 179, 180 Luật Đất đai năm 2013.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Chấp nhận Đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V đối với ông Bùi Hữu N, bà Hồ Thị L1.

2. Buộc ông Bùi Hữu N, bà Hồ Thị L1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền: 4.828.537.290đ (Bốn tỷ tám trăm hai mươi tám triệu năm trăm ba mươi bảy ngàn hai trăm chín mươi đồng). Trong đó: Nợ gốc 1.400.000.000 đồng; nợ lãi 3.428.537.290 đồng (nợ lãi trong hạn: 98.987.290 đồng; Nợ lãi quá hạn: 3.329.550.000đồng) tính đến ngày 23/10/2017.

3. Trường hợp ông Bùi Hữu N, bà Hồ Thị L1 không thanh toán đủ số tiền trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V; Ngân hàng Thương mại cổ phần V được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đã thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, số 0430/11/HĐ-TCTS ngày 08/7/2011 để đảm bảo thu đủ số nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Ông Bùi Hữu N, bà Hồ Thị L1 được miễn án phí KDTM phúc thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí KDTM phúc thẩm đã nộp 300.000đồng, theo biên

lai số: 0005049 ngày 17/11/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.
Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc Kiểm tra II -TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Long